

ĐA DẠNG HÓA MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHOA HỌC XÃ HỘI NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA TP. HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Minh Hòa *

Sau 7 năm đào tạo, trường ĐH KHXH và NV đã cho ra trường hàng nghìn cử nhân, mặc dù chưa có cuộc nghiên cứu thống kê nào về tình hình của họ sau khi tốt nghiệp, nhưng dựa trên những thông tin tiếp xúc cá nhân và qua việc tuyển dụng nhân sự cho các đơn vị bạn và cho chính đơn vị chủ quản, chúng tôi có thể thấy có hai vấn đề nổi lên cần phải được xem xét kỹ lưỡng.

1. Nhu cầu tuyển dụng chuyên gia:

Theo như quan niệm của Việt Nam thì bậc đại học của chúng ta đào tạo theo diện rộng, không đào tạo theo chuyên sâu, như thế sẽ đáp ứng được sự đòi hỏi linh hoạt và mềm dẻo của thị trường lao động. Một người có mặt bằng dân trí bậc đại học thì có thể sẽ đảm đương được nhiều việc khác nhau, kể cả những công việc không liên quan gì đến ngành đào tạo. Hay nói một cách khác thì ở bậc đại học, Việt Nam chưa chủ trương đào tạo chuyên gia. Nhưng trên thực tế thì xã hội vẫn đòi hỏi cần có những chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, cho dù số lượng này không nhiều. Những địa chỉ cần tuyển dụng chuyên gia:

- Các trường đại học, cao đẳng, các viện, các trung tâm nghiên cứu. Các nơi này có nhu cầu tuyển dụng các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu viên.
- Các dự án. Trên địa bàn thành phố có hàng trăm dự án lớn nhỏ từ các nguồn tài chính và các đơn vị chủ quản khác nhau. Những dự án này thường chia thành 4 nhóm là dự án liên quan đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật (đường, cầu, điện nước, nhà ở, nhà máy) ; dự án kinh tế (phát triển các ngành nghề); dự án liên quan đến cơ sở văn hóa -xã hội (y tế, giáo dục, du lịch); dự án phát triển cộng đồng (đào tạo nghề, nâng cao năng lực, xóa đói giảm nghèo). Những dự án này cần các chuyên gia khoa học xã hội trong các vai trò quản lý dự án, nghiên cứu triển khai, tư vấn, thẩm định, đánh giá và giám sát, điều phối viên, và phát triển viên. Tất cả các dự án có nguồn tài chính từ bên ngoài như ODA, WB, ADB, UNDP và từ các đối tác đầu tư trực tiếp (FDI) đều đòi hỏi sự có mặt của các chuyên gia khoa học xã hội từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc dự án như một định chế bắt buộc.
- Các sở, ban ngành từ thành phố đến quận, huyện, phường xã. Các nơi này cần chuyên gia cho một lĩnh vực cụ thể, chẳng hạn các cán bộ được đào

* *Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Đô thị và Cộng đồng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - ĐHQG-HCM*

tạo từ các khoa của trường ĐH cho Sở TT- Văn hóa, Sở KH-CN, Sở Giáo dục- Đào tạo, Ở các cấp thấp hơn như cán bộ phòng Văn hóa, phòng Quản lý đô thị, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em,v.v..

- Các văn phòng tư vấn như tư vấn giáo dục, tư vấn tâm lý, tư vấn sức khỏe, tư vấn hôn nhân và gia đình, các trung tâm cai nghiện ma túy.

Thực tế cho thấy số sinh viên ra trường đáp ứng ngay được nhu cầu tuyển dụng này là rất thấp, có khi chỉ được 1-2%. Một số cán bộ trẻ sau khi ra trường có ý chí tự học tập, rèn luyện sau một vài năm tích lũy được kinh nghiệm có thể trở thành chuyên gia ở bậc sơ khởi.

Ở các nước theo hệ thống đào tạo theo kiểu Mỹ như Hàn Quốc, Thái Lan, Philippines, sinh viên chỉ học đại học có 3 năm, sau khi ra trường những sinh viên nào muốn đào tạo chuyên sâu một chuyên ngành nào đó thì ghi danh học thêm một năm nữa gọi là Honour semester (tạm gọi là học kỳ hay năm học danh dự). Trong năm này họ tự tìm thầy và tự nghiên cứu để hoàn tất chương trình chuyên sâu. Các giáo sư tổ chức họ theo những nhóm nhỏ, sinh viên có thể theo các giờ giảng của thầy hoặc là theo các dự án và khi kết thúc năm học họ có thể trình luận văn hoặc là không và được nhận Honour Diploma. Sau đó nếu có nguyện vọng họ có thể học tiếp lên thạc sĩ, tiến sĩ. Chương trình này tạo cho người học một nền tảng căn bản của một chuyên gia để từ đó họ có thể hình thành nên kiểu tư duy, phong cách làm việc và định hình rõ ràng hướng phát triển. Kể từ khi đó họ bắt đầu hoạt động với tư cách là chuyên gia (specialist, expert).

Chương trình đào tạo theo diện rộng của chúng ta hiện nay thực ra chỉ tương đương với 3 năm học của hệ thống đào tạo ở Mỹ và Bắc Mỹ. Tiếc là bốn năm, nhưng chúng ta mất một thời gian khá nhiều cho các hoạt động khác như: thể thao, quân sự. Ở đây có một vấn đề cần làm rõ là có một số người cho rằng đào tạo theo diện rộng ở Việt Nam giống như đào tạo liên ngành. Thực ra đó là một sự nhầm lẫn. Đào tạo theo diện rộng như Việt Nam quan niệm là đào tạo nhiều môn học mà môn nào cũng chỉ ở dạng nhập môn hay đại cương. Còn đào tạo liên ngành là một phương pháp và cách thức nhằm làm cho sinh viên có một nhãn quan đa diện khi tiếp cận tới các vấn đề của xã hội. Cần phải nói lại là kiểu đào tạo một năm chuyên sâu đã có ở Việt Nam vào trước những năm 1985, khi đó chúng ta đào tạo theo mô hình của Liên Xô.

Trong tình hình như hiện nay chúng ta có thể đào tạo chuyên gia được không?. Có thể nói là rất khó, thậm chí các thạc sĩ hay tiến sĩ của chúng ta có phải là chuyên gia không, cũng không chắc lắm.

Trong bối cảnh hiện nay, để đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng chuyên gia của các doanh nghiệp, các theo chúng tôi chúng ta có thể thực hiện theo các cách thức sau:

- Đào tạo theo hướng chuyên gia một cách không chính thức, chẳng hạn như lập ra các nhóm yêu thích nghiên cứu, các câu lạc bộ học thuật, các nhóm đề tài nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các thầy cô có trình độ và có kinh nghiệm nhất định. Từ đó tiến dần lên hình thành các khóa đào

tạo chuyên gia chính thức có cấp chứng chỉ quốc gia sau khi tốt nghiệp từ 6 tháng đến 1 năm. Chính nhờ phương cách này mà ở các nước phát triển hình thành nên các nhóm và các trường phái nghiên cứu.

- Phát hiện và bồi dưỡng sớm các em có năng lực thật sự, yêu thích nghề nghiệp. Những em này sẽ được sự bảo trợ và hướng dẫn của các thầy cô giáo giỏi, có kinh nghiệm, có đạo đức khoa học, thậm chí là các nhà khoa học, các doanh nghiệp các nhà quản lý ở bên ngoài trường. Các nhà khoa học sẽ định hướng phát triển và bồi dưỡng những nền tảng ban đầu (kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc, phong cách tư duy) để cho các em làm quen với phương pháp làm việc, cách tư duy của chuyên gia. Các em này có thể là phụ tá nghiên cứu cho các cán bộ đầu ngành trong các dự án. Sau khi ra trường họ sẽ làm việc như một chuyên gia trong lĩnh vực hẹp, sau đó sẽ được nâng cao tay nghề sau các khóa đào tạo chuyên sâu do đơn vị chủ quản cử đi. Tuy nhiên hoạt động này cần phải được thiết chế hóa như một chính sách ở tầm vĩ mô. Nên nhớ kiểu đào tạo đơn lẻ nhưng rất hiệu quả này đã có từ thời Aristote, Hegel, Khổng Tử.

Nếu Đại học Quốc Gia không sớm có kế hoạch đào tạo nhân lực theo hướng chuyên gia (không giống như chương trình đào tạo tài năng như hiện nay) thì khoảng cách giữa các trường ĐH Việt Nam với các trường ĐH trên thế giới sẽ ngày một lớn và khoảng cách giữa đào tạo với thị trường lao động sẽ càng lớn hơn, đặc biệt khi thành phố chuyển cơ cấu ngành nghề sang hướng dịch vụ chất lượng cao và công nghiệp với công nghệ kỹ thuật hiện đại thì nhu cầu về chất và lượng sẽ trở nên cấp thiết hơn. Việc thiết chế hóa loại hình đào tạo số ít trong trường đại học là điều hoàn toàn khả thi nếu chúng ta muốn đào tạo ra các chuyên gia giỏi cho thành phố.

2. Đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội:

Hầu hết các sinh viên ra trường chiếm trên 90% là những người làm các công việc lao động ở khâu gián tiếp, thuộc dạng trí thức phổ thông. Họ không cần sử dụng nhiều đến các kiến thức của ngành đào tạo chuyên sâu mà vẫn đảm nhiệm được. Đó là những người làm việc trong các bộ phận hành chính văn phòng ở các công ty, các tổ chức xã hội. Trong số họ có nhiều người đi bán bảo hiểm, bán nước ngọt, bán hàng ở siêu thị, nhà sách, làm trong các doanh nghiệp gia đình. Theo nhận xét của các nhà tuyển dụng thì các nhân lực này thiếu rất nhiều các kỹ năng thực hành, hầu hết họ phải được đào tạo lại qua các khóa ngắn ngày hay là đào tạo thông qua hình thức truyền thụ trực tiếp kinh nghiệm của những người đi trước. Thực tế cho thấy các sinh viên ra trường phải mất tối thiểu 6 tháng hoặc 1 năm mới làm chủ được phần công việc của mình, trong khi đó các nhà tuyển dụng lại không muốn bỏ thêm tiền để đào tạo lại.

Các kỹ năng thiếu nhất của các cử nhân xã hội là kỹ năng tổ chức và kỹ năng kết nối, điều phối. Họ không biết cách thức tổ chức một nhóm nhân sự (cho dù chỉ vài ba người) cùng thực hiện một công việc hay tổ chức triển khai một nhóm công việc liên quan đến nhiều người cho dù ở mức thấp. Sau đó là kỹ năng kết nối và điều phối. Đây là một trong số các điểm yếu nhất của người Việt

Nam, có nhiều người làm việc một mình thì tạm được, nhưng khi cần phối hợp với người khác thì trực trặc. Thực tế cho thấy có nhiều người có khả năng làm việc trong một lĩnh vực hẹp, nhưng khi cần phải lấn sang một chuyên môn khác thì lại tỏ ra lúng túng vì không có khả năng kết nối với những người khác ở ngoài chuyên môn của mình.

Ngoài ra còn một loạt những kỹ năng khác nữa mà sinh viên còn thiếu như kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng vi tính văn phòng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức không gian làm việc, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng đàm phán và thuyết phục v.v.. Sinh viên của chúng ta có thể biết rất nhiều thứ nhưng các thao tác trong công việc cụ thể lại rất yếu, do vậy rất nhiều người bị rớt ngay từ khi phỏng vấn. Theo chúng tôi, ngoài những kiến thức cơ bản ra sinh viên các ngành Khoa học xã hội và Nhân văn cần phải được tăng cường thêm các kỹ năng sau:

1. Kỹ năng tổ chức (tổ chức một tiểu không gian làm việc: tọa đàm, hội thảo, tiếp khách; tổ chức nhóm tác nghiệp: đồng nghiệp, cộng tác viên; tổ chức thực hiện một qui trình hành động: triển khai, kiểm soát, kết thúc; tổ chức hoạt động trong một khu vực rộng lớn: điền dã, hậu cần; tổ chức ứng phó với các tình huống bất thường ngoài kế hoạch). Có thể nói đây là một trong số các kỹ năng quan trọng nhất thị trường đòi hỏi ở một cán bộ, nhân viên.
2. Kỹ năng điều phối và kết nối
3. Kỹ năng viết và diễn thuyết
4. Kỹ năng giao tiếp
5. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ ứng dụng (chủ yếu là giao tiếp).
6. Kỹ năng tin học văn phòng
7. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính
8. Kỹ năng sử dụng các thiết bị kỹ thuật (máy fax, Photocopy, internet, máy ghi âm, Laptop)
9. Kỹ năng đánh giá, bình luận và kiểm soát.
10. Kỹ năng xây dựng các chương trình, kế hoạch các dự án vừa và nhỏ
11. Kỹ năng triển khai thực hiện các dự án vừa và nhỏ trong thực tế. Kỹ năng 9 và 10 này được các nhà quản trị gọi chung là R& D (Research and Development)
12. Kỹ năng tìm kiếm nguồn lực và tài chính
13. Kỹ năng lãnh đạo
14. Kỹ năng đàm phán và thương thuyết

Mỗi cử nhân khoa học xã hội không nhất thiết phải có đủ 14 kỹ năng này, và cũng không nhất thiết phải có ngay một lúc. Điều này còn tùy thuộc vào môi

trường làm việc và yêu cầu của công việc mà bổ túc thêm. Nhưng tám kỹ năng đầu là nên được hình thành và định hình trong giai đoạn trên ghế nhà trường, nếu không có chúng thì rất khó tìm kiếm việc làm. Thực tế cho thấy những sinh viên tìm được việc làm ngay chưa hẳn đã là sinh viên học giỏi mà là sinh viên có những kỹ năng đáp ứng được ngay đòi hỏi của người tuyển dụng. Những kỹ năng này sinh viên có thể nhận được từ trong chương trình đào tạo và huấn luyện chính thức, nhưng không nhiều mà chủ yếu là từ các hoạt động ngoại khóa có định hướng khác để sinh viên có môi trường tự rèn luyện, các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các chương trình không chính thức. Một gợi ý quan trọng nữa là chương trình giảng dạy của trường ĐH Khoa Học xã hội và Nhân Văn nên mở rộng thêm ra một số môn học liên quan đến quản trị hành chính, quản lý đô thị, xây dựng dự án, xây dựng chính sách, các kiến thức và kỹ năng dịch vụ xã hội ở bậc cao, ví dụ kỹ năng tư vấn, kỹ năng đàm phán. Trong chương trình giảng dạy nên mở rộng ban giảng huấn đến các nhà doanh nghiệp thành đạt, các chuyên gia giỏi có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, các nhà quản lý có kinh nghiệm. Điều này sẽ làm cho sinh viên tiếp cận nhanh chóng với những thay đổi ngoài xã hội. Việc mời các diễn giả ngoài giới hàn lâm tham gia giảng dạy cho sinh viên là chuyện hết sức bình thường ở các trường đại học lớn như Havard, Stanford. NUS (National University of Singapore).

Sau 7 năm đào tạo, chúng ta thấy rõ ràng thị trường lao động rất đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau. Do vậy chúng ta cũng phải đa dạng hóa loại hình đào tạo và với nhiều phương thức khác nhau, không nhất thiết cứ phải đóng khung trong bốn bức tường của giảng đường đại học. Cách thức đào tạo phi truyền thống và phi chính thức được coi trọng ở các nước tiên tiến mà chúng ta cần học hỏi và áp dụng.